

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST

Ngày 23-8-2023

V/v tranh chấp về hạn chế quyền  
của cha đối với con chưa thành niên

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Hà Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đặng Thị Liễu

Ông Nguyễn Phi Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp về hạn chế quyền của cha đối với con chưa thành niên; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thùy H; sinh năm 1951; cư trú tại: thành phố Z, Cộng hòa liên bang Đức.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy H là bà Nguyễn Thùy M; sinh năm 1982; cư trú tại: Chung cư B, tổ, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền, ngày 01 tháng 4 năm 2023). Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy H là ông Nguyễn Văn H; Luật sư Văn phòng Luật sư K, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: tổ, cụm, phường P, quận T, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Thế D; sinh năm 1974; cư trú tại: Đường C, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy H và người đại diện hợp pháp của bà H, trình bày:

- Ngày 30-8-2012, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng đã ban hành Bản án cho bà Nguyễn Thị Thùy H được ly hôn với ông Vũ Thế D và giao con chung Vũ Hà S; sinh ngày 27-3-2011 cho bà H trực tiếp nuôi cho đến tuổi thành niên; cũng như công nhận sự tự nguyện của ông D về cấp dưỡng cho con 1.500.000 đồng/ tháng cho đến ngày cháu S đủ 18 tuổi.

- Tuy nhiên, khi biết cháu S bị bệnh rối loạn phát triển trí tuệ (bệnh Asperger ở thể nhẹ nhất) thì ông D không còn cấp dưỡng, nuôi dạy và giáo dục con mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu ông D thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con, nhưng ông D vẫn không thực hiện, nên bà cho rằng ông D đã vi phạm nghiêm trọng điểm a khoản 1 Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến mức con không nhận diện được cha; không những thế ông D đã cản trở việc phát triển của con bằng việc không đồng ý xác nhận để cho con được đi chữa bệnh và học tập tại Cộng hòa liên bang Đức. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án hạn chế quyền của cha là ông D đối với con Vũ Hà S trong thời hạn 05 năm theo Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình để tạo điều kiện cho con đi chữa bệnh và học tập tại Đức.

Bị đơn ông Vũ Thế D, trình bày: Từ khi ly hôn thì ông không được tạo điều kiện đến thăm con do bà H bỏ đi ra nước ngoài và giao cháu S cho ông bà ngoại nên ông không biết địa chỉ nơi cháu ở và phần cũng vì ở xa. Trước đây ông vẫn có gửi tiền cấp dưỡng cho con theo Bản án của Tòa án cho đến khi bà H ra nước ngoài định cư. Do vậy, ông mong muốn Tòa cho lịch để ông được chủ động thăm con và con được biết cha. Do điều kiện về khoảng cách nên ông cũng không thể thường xuyên thăm con nên muốn được cung cấp địa chỉ và số điện thoại để liên lạc khi cần thiết vì ngay cả khi bà nội cháu mất thì cháu cũng không

được về chịu tang bà. Bản thân ông cũng mong muốn được gặp con như bao người khác, thậm chí nếu được sự đồng ý của pháp luật và cháu S thì ông vẫn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu S được mà không cần tiền nuôi dưỡng của mẹ cháu.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng sau khi ly hôn thì ông Vũ Thế D không thực hiện đúng nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là cháu Vũ Hà S; không nuôi dạy, giáo dục con là vi phạm nghiêm trọng Điều 82 và điểm a khoản 1 Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; vi phạm khoản 9 Điều 4, khoản 2 Điều 6 và Điều 27 của Luật Trẻ em. Về nội dung ông D cho là ông không được tạo điều kiện thăm con là không có cơ sở và nếu không được thăm con thì ông D vẫn có thể yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 12, 81, 96 Luật Trẻ em; các điều 82, 85 và 86 của Luật Hôn nhân và gia đình để xem xét chấp nhận yêu cầu của bà H về việc hạn chế quyền của cha Vũ Thế D đối với con Vũ Hà S là 05 năm để tạo điều kiện cho con Vũ Hà S được đi sinh sống và học tập tại Cộng hòa liên bang Đức cùng mẹ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình, không chấp nhận yêu cầu hạn chế quyền của cha đối với con chưa thành niên của bà Nguyễn Thị Thùy H đối với ông Vũ Thế D do không đủ căn cứ theo quy định tại Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy H có quốc tịch Việt Nam; cư trú tại thành phố Z, Cộng hòa liên bang Đức và bị đơn ông Vũ Thế D, có quốc tịch Việt Nam; cư trú tại Đường C, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam nên vụ án về yêu cầu hạn chế quyền của cha đối với con chưa thành niên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Vũ Thế D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ngày 30-8-2012, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng đã cho bà Nguyễn Thị Thùy H được ly hôn với ông Vũ Thế D và giao con chung Vũ Hà S; sinh ngày 27-3-2011 cho bà H trực tiếp nuôi cho đến tuổi thành niên; cũng như công nhận sự tự nguyện của ông D về cấp dưỡng cho con 1.500.000 đồng/01 tháng cho đến ngày cháu S đủ 18 tuổi. Sau đó thì bà H và con về ở với cha mẹ đẻ tại lâm trường S, xã M, huyện S, Thành phố Hà Nội cho đến năm 2016 thì bà đi định cư tại Cộng hòa liên bang Đức còn cháu S thì vẫn ở với ông bà ngoại.

[4] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy H về hạn chế quyền của cha là ông Vũ Thế D đối với con chưa thành niên Vũ Hà S, thì thấy: Khi ly hôn thì Tòa án đã quyết định giao con Vũ Hà S cho bà H trực tiếp nuôi theo nguyện vọng của bà H. Theo quy định của pháp luật thì ông D vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu S, việc ông D không thực hiện các nghĩa vụ nói trên, cũng như cấp dưỡng không đúng và đầy đủ là có vi phạm; tuy nhiên, đây không phải là có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên yêu cầu nói trên của bà H là không có căn cứ pháp luật nên không được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà Nguyễn Thị Thùy H phải chịu, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu hạn chế quyền của cha đối với con chưa thành niên là cháu Vũ Hà S của bà Nguyễn Thị Thùy H đối với ông Vũ Thế D.
2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp

là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005185 ngày 03-02-2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy H và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thùy Mai có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn ông Vũ Thế D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Người đại diện hợp pháp;
- Luật sư;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Ngô Hà Nam**